

Số: 12 /NQ-HĐND

Nghệ An, ngày 22 tháng 4 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

**Phân bổ kinh phí sự nghiệp nguồn ngân sách Trung ương thực hiện
Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội
vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2024**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN
KHOÁ XVIII, KỲ HỌP THỨ 19**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 111/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024 của
Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện các Chương trình mục
tiêu quốc gia;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4
năm 2022 quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu
quốc gia; số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 về sửa đổi, bổ sung một
số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính
phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: số 1719/QĐ-TTg ngày
14 tháng 10 năm 2021 về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển
kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030,
giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; số 861/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm
2021 về phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng
đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025; số 39/2021/QĐ-
TTg ngày 30 tháng 12 năm 2021 về quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân
bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực
hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân
tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm
2025; số 18/2023/QĐ-TTg về sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số điều của Quyết
định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ;
số 1600/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2023 về việc giao dự toán ngân sách Nhà
nước năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 24 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025 và hằng năm trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Xét Tờ trình số 2513/TTr-UBND ngày 02 tháng 4 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An; Báo cáo thẩm tra của Ban Dân tộc Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quyết định phân bổ kinh phí vốn sự nghiệp nguồn ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2024, số tiền: 801.478 triệu đồng (Tám trăm linh một tỷ, bốn trăm bảy mươi tám triệu đồng).

(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.
2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An khoá XVIII, Kỳ họp thứ 19 thông qua ngày 22 tháng 4 năm 2024 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày thông qua. /.

Nơi nhận: *CS*

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ (đề b/c);
- Ủy ban Dân tộc (đề b/c)
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính;
- TT.Tỉnh ủy, TT.HĐND tỉnh, UBND tỉnh, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các Ban, Tổ đại biểu, Đại biểu HĐND tỉnh;
- Tòa án nhân dân tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh,
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thành, thị xã;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Website: <http://dbndnghean.vn>;
- Lưu: VT

BT



CHỦ TỊCH
Thái Thanh Quý

Phụ lục

**PHÂN BỐ KINH PHÍ SỰ NGHIỆP NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG THỰC HIỆN
CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI
VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI NĂM 2024**

(Kèm theo Nghị quyết số 12 /NQ-HĐND ngày 22/4/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Nội dung	Kế hoạch vốn năm 2024					
		Kinh phí sự nghiệp	Trong đó chi tiết theo lĩnh vực sự nghiệp				
			Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp văn hoá thông tin	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Các hoạt động kinh tế	Sự nghiệp đảm bảo xã hội
	TỔNG SỐ	801.478	97.416	21.774	14.860	633.193	34.235
I	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	55.710				55.710	
	<i>Cấp huyện</i>	<i>55.710</i>				<i>55.710</i>	
	- Hỗ trợ chuyển đổi nghề:	34.620				34.620	
	Huyện Kỳ Sơn	12.100				12.100	
	Huyện Tương Dương	9.850				9.850	
	Huyện Con Cuông	1.000				1.000	
	Huyện Anh Sơn	60				60	
	Huyện Tân Kỳ	1.510				1.510	
	Huyện Quế Phong	1.600				1.600	
	Huyện Quỳnh Châu	5.000				5.000	
	Huyện Quỳnh Hợp	2.100				2.100	
	Huyện Nghĩa Đàn	1.400				1.400	
	- Hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán:	21.090				21.090	
	Huyện Kỳ Sơn	6.729				6.729	
	Huyện Tương Dương	3.630				3.630	
	Huyện Con Cuông	2.400				2.400	
	Huyện Anh Sơn	360				360	
	Huyện Thanh Chương	300				300	
	Huyện Tân Kỳ	1.335				1.335	
	Huyện Quế Phong	2.940				2.940	
	Huyện Quỳnh Châu	2.100				2.100	
	Huyện Quỳnh Hợp	1.251				1.251	
	Huyện Nghĩa Đàn	45				45	
II	Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết	137				137	
	<i>Cấp huyện</i>	<i>137</i>				<i>137</i>	
	Huyện Kỳ Sơn	87				87	

Uta

TT	Nội dung	Kế hoạch vốn năm 2024					
		Kinh phí sự nghiệp	Trong đó chi tiết theo lĩnh vực sự nghiệp				
			Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp văn hoá thông tin	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Các hoạt động kinh tế	Sự nghiệp đảm bảo xã hội
	Huyện Tương Dương	50				50	
III	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị	544.484				544.484	
	Tiểu dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân	459.816				459.816	
	<i>Cấp huyện</i>	459.816				459.816	
	Huyện Kỳ Sơn	126.634				126.634	
	Huyện Tương Dương	139.108				139.108	
	Huyện Con Cuông	45.030				45.030	
	Huyện Thanh Chương	8.245				8.245	
	Huyện Quế Phong	67.440				67.440	
	Huyện Quỳnh Châu	57.926				57.926	
	Huyện Quỳnh Hợp	15.433				15.433	
	Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (DTTS&MN)	84.668				84.668	
	- Hỗ trợ vùng trồng dược liệu quý:	8.467				8.467	
	<i>Cấp huyện</i>	8.467				8.467	
	Huyện Kỳ Sơn	1.940				1.940	
	Huyện Tương Dương	1.940				1.940	
	Huyện Con Cuông	1.323				1.323	
	Huyện Quế Phong	1.940				1.940	
	Huyện Quỳnh Châu	1.324				1.324	
	- Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào DTTS&MN:	76.201				76.201	
	<i>Cấp tỉnh</i>	6.000				6.000	
	Ban Dân tộc	6.000				6.000	

TT	Nội dung	Kế hoạch vốn năm 2024					
		Kinh phí sự nghiệp	Trong đó chi tiết theo lĩnh vực sự nghiệp				
			Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp văn hoá thông tin	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Các hoạt động kinh tế	Sự nghiệp đảm bảo xã hội
	<i>Cấp huyện</i>	70.201				70.201	
	Huyện Kỳ Sơn	18.021				18.021	
	Huyện Tương Dương	10.808				10.808	
	Huyện Con Cuông	7.464				7.464	
	Huyện Anh Sơn	756				756	
	Huyện Thanh Chương	1.849				1.849	
	Huyện Tân Kỳ	126				126	
	Huyện Quế Phong	9.699				9.699	
	Huyện Quỳnh Châu	7.774				7.774	
	Huyện Quỳnh Hợp	12.444				12.444	
	Huyện Nghĩa Đàn	1.134				1.134	
	Huyện Quỳnh Lưu	126				126	
IV	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc	29.557				29.557	
	Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN	29.557				29.557	
	<i>Cấp huyện</i>	29.557				29.557	
	Huyện Kỳ Sơn	7.310				7.310	
	Huyện Tương Dương	4.495				4.495	
	Huyện Con Cuông	3.210				3.210	
	Huyện Anh Sơn	358				358	
	Huyện Thanh Chương	750				750	
	Huyện Tân Kỳ	60				60	
	Huyện Quế Phong	4.110				4.110	
	Huyện Quỳnh Châu	3.307				3.307	
	Huyện Quỳnh Hợp	5.277				5.277	
	Huyện Nghĩa Đàn	620				620	
	Huyện Quỳnh Lưu	60				60	
V	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực	97.416	97.416				

TT	Nội dung	Kế hoạch vốn năm 2024					
		Kinh phí sự nghiệp	Trong đó chi tiết theo lĩnh vực sự nghiệp				
			Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và đạy nghề	Sự nghiệp văn hoá thông tin	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Các hoạt động kinh tế	Sự nghiệp đảm bảo xã hội
	Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú (PTDNTN), trường phổ thông dân tộc bán trú (PTDTBT), trường Phổ thông có học sinh bán trú (HSBT) và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số (DTTS)	27.814	27.814				
	<i>Cấp huyện</i>	27.814	27.814				
	Huyện Kỳ Sơn	10.065	10.065				
	Huyện Tương Dương	4.937	4.937				
	Huyện Con Cuông	3.840	3.840				
	Huyện Thanh Chương	895	895				
	Huyện Quế Phong	3.157	3.157				
	Huyện Quỳnh Châu	1.566	1.566				
	Huyện Quỳnh Hợp	2.907	2.907				
	Huyện Nghĩa Đàn	447	447				
	Tiểu dự án 2: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc; đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào DTTS&MN	15.445	15.445				
	<i>Cấp tỉnh</i>	7.045	7.045				
	- Ban Dân tộc	4.500	4.500				
	- Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng	1.545	1.545				
	- Công an tỉnh	1.000	1.000				
	<i>Cấp huyện</i>	8.400	8.400				
	Huyện Kỳ Sơn	1.347	1.347				
	Huyện Tương Dương	1.090	1.090				
	Huyện Con Cuông	770	770				
	Huyện Anh Sơn	257	257				
	Huyện Thanh Chương	128	128				
	Huyện Tân Kỳ	705	705				
	Huyện Quế Phong	834	834				
	Huyện Quỳnh Châu	769	769				
	Huyện Quỳnh Hợp	1.282	1.282				
	Huyện Nghĩa Đàn	962	962				

TT	Nội dung	Kế hoạch vốn năm 2024					
		Kinh phí sự nghiệp	Trong đó chi tiết theo lĩnh vực sự nghiệp				
			Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và đạy nghề	Sự nghiệp văn hoá thông tin	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Các hoạt động kinh tế	Sự nghiệp đảm bảo xã hội
	Huyện Quỳnh Lưu	64	64				
	Thị xã Thái Hoà	192	192				
	Tiểu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng DTTS&MN	37.900	37.900				
	Cấp tỉnh	11.370	11.370				
	- Phát triển giáo dục nghề nghiệp:	11.211	11.211				
	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội:						
	+ Trường trung cấp dân tộc nội trú Nghệ An	5.580	5.580				
	+ Trường trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật Miền Tây Nghệ An	5.631	5.631				
	- Giải quyết việc làm:	159	159				
	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (Văn phòng Sở Lao động Thương binh và Xã hội)	159	159				
	Cấp huyện	26.530	26.530				
	- Phát triển giáo dục nghề nghiệp	26.159	26.159				
	Huyện Kỳ Sơn	2.386	2.386				
	Huyện Tương Dương	2.477	2.477				
	Huyện Con Cuông	7.065	7.065				
	Huyện Tân Kỳ	2.842	2.842				
	Huyện Quế Phong	1.990	1.990				
	Huyện Quỳnh Châu	2.436	2.436				
	Huyện Quỳnh Hợp	1.763	1.763				
	Huyện Nghĩa Đàn	5.200	5.200				
	- Giải quyết việc làm:	371	371				
	Huyện Kỳ Sơn	50	50				
	Huyện Quỳnh Hợp	121	121				
	Huyện Nghĩa Đàn	200	200				
	Tiểu dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp	16.257	16.257				
	Cấp tỉnh	16.257	16.257				
	Ban Dân tộc	16.257	16.257				

TT	Nội dung	Kế hoạch vốn năm 2024					
		Kinh phí sự nghiệp	Trong đó chi tiết theo lĩnh vực sự nghiệp				
			Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp văn hoá thông tin	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Các hoạt động kinh tế	Sự nghiệp đảm bảo xã hội
VI	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các DTTS gắn với phát triển du lịch	10.365		10.365			
	<i>Cấp tỉnh</i>	7.915		7.915			
	Sở Văn hóa và Thể thao:	7.915		7.915			
	+ Văn phòng Sở Văn hoá và Thể thao	6.810		6.810			
	+ Ban quản lý Di tích	505		505			
	+ Thư viện tỉnh	300		300			
	+ Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu Thể dục Thể thao	300		300			
	<i>Cấp huyện</i>	2.450		2.450			
	Huyện Kỳ Sơn	560		560			
	Huyện Tương Dương	160		160			
	Huyện Con Cuông	360		360			
	Huyện Anh Sơn	250		250			
	Huyện Thanh Chương	50		50			
	Huyện Tân Kỳ	50		50			
	Huyện Quế Phong	420		420			
	Huyện Quỳnh Châu	340		340			
	Huyện Quỳnh Hợp	160		160			
	Huyện Nghĩa Đàn	50		50			
	Thị xã Thái Hòa	50		50			
VII	Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người DTTS; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em	14.860		14.860			
	<i>Cấp tỉnh</i>	1.486		1.486			
	Sở Y tế:	1.486		1.486			
	+ Chi cục Dân số Kế hoạch hoá gia đình	210		210			
	+ Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Nghệ An	1.276		1.276			
	<i>Cấp huyện</i>	13.374		13.374			
	Huyện Kỳ Sơn	2.834		2.834			
	Huyện Tương Dương	1.952		1.952			
	Huyện Con Cuông	1.431		1.431			

TT	Nội dung	Kế hoạch vốn năm 2024				
		Kinh phí sự nghiệp	Trong đó chi tiết theo lĩnh vực sự nghiệp			
			Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp văn hoá thông tin	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Các hoạt động kinh tế
	Huyện Anh Sơn	175			175	
	Huyện Thanh Chương	289			289	
	Huyện Tân Kỳ	477			477	
	Huyện Quế Phong	1.677			1.677	
	Huyện Quỳnh Châu	1.431			1.431	
	Huyện Quỳnh Hợp	2.284			2.284	
	Huyện Nghĩa Đàn	651			651	
	Huyện Quỳnh Lưu	43			43	
	Thị xã Thái Hoà	130			130	
VIII	Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em	28.727				28.727
	Cấp tỉnh	2.872				2.872
	Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh	2.872				2.872
	Cấp huyện	25.855				25.855
	Huyện Kỳ Sơn	6.192				6.192
	Huyện Tương Dương	3.896				3.896
	Huyện Con Cuông	2.839				2.839
	Huyện Anh Sơn	362				362
	Huyện Thanh Chương	665				665
	Huyện Tân Kỳ	60				60
	Huyện Quế Phong	3.625				3.625
	Huyện Quỳnh Châu	2.779				2.779
	Huyện Quỳnh Hợp	4.833				4.833
	Huyện Nghĩa Đàn	544				544
	Huyện Quỳnh Lưu	60				60
IX	Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm DTTS rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn	5.508				5.508
	Tiểu Dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống của các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù.	5.508				5.508
	Cấp tỉnh	2.200				2.200
	Ban Dân tộc	2.200				2.200

TT	Nội dung	Kế hoạch vốn năm 2024					
		Kinh phí sự nghiệp	Trong đó chi tiết theo lĩnh vực sự nghiệp				
			Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp văn hoá thông tin	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Các hoạt động kinh tế	Sự nghiệp đảm bảo xã hội
	<i>Cấp huyện</i>	3.308					3.308
	Huyện Kỳ Sơn	1.026					1.026
	Huyện Tương Dương	543					543
	Huyện Con Cuông	302					302
	Huyện Anh Sơn	30					30
	Huyện Thanh Chương	265					265
	Huyện Tân Kỳ	52					52
	Huyện Quế Phong	397					397
	Huyện Quỳnh Châu	350					350
	Huyện Quỳnh Hợp	255					255
	Huyện Nghĩa Đàn	71					71
	Thị xã Thái Hòa	17					17
X	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào DTTS&MN. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình	14.714		11.409		3.305	
	Tiểu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án Tổng thể và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021 - 2030	8.606		8.606			
	<i>Cấp tỉnh</i>	5.601		5.601			
	Ban Dân tộc	5.000		5.000			
	Sở Thông tin và Truyền thông (Văn phòng Sở Thông tin và Truyền thông)	257		257			
	Sở Tư pháp (Văn phòng Sở Tư pháp)	172		172			
	Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh	172		172			
	<i>Cấp huyện</i>	3.005		3.005			
	Huyện Kỳ Sơn	620		620			
	Huyện Tương Dương	454		454			

TT	Nội dung	Kế hoạch vốn năm 2024				
		Kinh phí sự nghiệp	Trong đó chi tiết theo lĩnh vực sự nghiệp			
			Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và đạy nghề	Sự nghiệp văn hoá thông tin	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Các hoạt động kinh tế
	Huyện Con Cuông	324		324		
	Huyện Anh Sơn	62		62		
	Huyện Thanh Chương	42		42		
	Huyện Tân Kỳ	136		136		
	Huyện Quế Phong	347		347		
	Huyện Quỳnh Châu	273		273		
	Huyện Quỳnh Hợp	432		432		
	Huyện Nghĩa Đàn	260		260		
	Huyện Quỳnh Lưu	16		16		
	Thị xã Thái Hòa	39		39		
	Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào DTTS&MN	2.803		2.803		
	Cấp tỉnh	532		532		
	Sở Thông tin và Truyền thông (Văn phòng Sở Thông tin và Truyền thông)	112		112		
	Liên minh Hợp tác xã	420		420		
	Cấp huyện	2.271		2.271		
	Huyện Kỳ Sơn	566		566		
	Huyện Tương Dương	359		359		
	Huyện Con Cuông	268		268		
	Huyện Thanh Chương	60		60		
	Huyện Quế Phong	329		329		
	Huyện Quỳnh Châu	268		268		
	Huyện Quỳnh Hợp	421		421		
	Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình	3.305			3.305	
	Cấp tỉnh	1.665			1.665	
	Ban Dân tộc	285			285	
	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Nghệ An	120			120	
	Sở Thông tin và Truyền thông (Văn phòng Sở Thông tin và Truyền thông)	80			80	

TT	Nội dung	Kế hoạch vốn năm 2024					
		Kinh phí sự nghiệp	Trong đó chi tiết theo lĩnh vực sự nghiệp				
			Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp văn hoá thông tin	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Các hoạt động kinh tế	Sự nghiệp đảm bảo xã hội
	Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh	80				80	
	Hội Liên hiệp Phụ nữ	80				80	
	Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (Văn phòng Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn)	80				80	
	Sở Giáo dục và Đào tạo (Văn phòng Sở Giáo dục và Đào tạo)	80				80	
	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (Văn phòng Sở Lao động - Thương binh và Xã hội)	80				80	
	Sở Văn hóa và Thể thao (Văn phòng Sở Văn hóa và Thể thao)	80				80	
	Sở Y tế (Văn phòng Sở Y tế)	80				80	
	Sở Kế hoạch và Đầu tư (Văn phòng Sở Kế hoạch và Đầu tư)	80				80	
	Sở Tài chính (Văn phòng Sở Tài chính)	80				80	
	Sở Công thương (Văn phòng Sở Công thương)	80				80	
	Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh	80				80	
	Liên minh Hợp tác xã	30				30	
	Sở Nội vụ (Văn phòng Sở Nội vụ)	30				30	
	Sở Giao thông Vận tải (Văn phòng Sở Giao thông Vận tải)	30				30	
	Sở Tư pháp (Văn phòng Sở Tư pháp)	30				30	
	Sở Tài nguyên và Môi trường (Văn phòng Sở Tài nguyên và Môi trường)	30				30	
	Sở Xây dựng (Văn phòng Sở Xây dựng)	30				30	
	Sở Du lịch (Văn phòng Sở Du lịch)	30				30	
	Công an tỉnh Nghệ An	30				30	
	Kho bạc Nhà nước Nghệ An	30				30	
	Hội Nông dân	30				30	
	<i>Cấp huyện</i>	<i>1.640</i>				<i>1.640</i>	
	Huyện Kỳ Sơn	366				366	

TT	Nội dung	Kế hoạch vốn năm 2024					
		Kinh phí sự nghiệp	Trong đó chi tiết theo lĩnh vực sự nghiệp				
			Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Sự nghiệp văn hoá thông tin	Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	Các hoạt động kinh tế	Sự nghiệp đảm bảo xã hội
	Huyện Tương Dương	245				245	
	Huyện Con Cuông	181				181	
	Huyện Anh Sơn	15				15	
	Huyện Thanh Chương	38				38	
	Huyện Tân Kỳ	41				41	
	Huyện Quế Phong	215				215	
	Huyện Quỳnh Châu	181				181	
	Huyện Quỳnh Hợp	286				286	
	Huyện Nghĩa Đàn	57				57	
	Huyện Quỳnh Lưu	4				4	
	Thị xã Thái Hòa	11				11	



Handwritten signature or mark.